

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	7,00	2,80	4,10	
2	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993	7,30	3,30	4,50	
3	Nguyễn Hoàng	Tân	3671030537	09/03/1994	,00	,00	,00	
4	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993	5,30	,30	1,80	
5	Đặng	Thái	3671030540	15/08/1993	5,00	,00	1,50	
6	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993	5,00	4,20	4,40	
7	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	6,00	,50	2,20	
8	Nguyễn Thành	Mẫn	3671030546	26/11/1993	3,40	3,50	3,50	
9	Nguyễn Văn	Tài	3671030551	18/09/1994	4,50	2,70	3,20	
10	Nguyễn Hữu	Linh	3671030553	10/09/1994	,00	,00	,00	CT
11	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	5,60	4,40	4,80	
12	Chu Minh	Đông	3671030569	19/05/1994	5,00	2,80	3,50	
13	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	5,90	2,20	3,30	
14	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993	7,90	3,40	4,80	
15	Trương Minh	Cường	3671030593	24/01/1993	,00	4,80	3,40	
16	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993	3,00	2,50	2,70	
17	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	2,40	1,40	1,70	
18	Đinh Hữu	Tài	3671030620	29/06/1994	6,40	3,70	4,50	
19	Lê Công	Nhiều	3671030624	20/07/1992	3,10	2,50	2,70	
20	Nguyễn Văn	Tuấn	3671030638	13/12/1994	,00	,00	,00	CT
21	Bạch Như	Khương	3671030640	18/12/1992	3,00	3,60	3,40	
22	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	4,70	1,50	2,50	
23	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	,00	1,90	1,30	
24	Đoàn Thành	Lợi	3671030664	22/05/1994	7,20	4,50	5,30	
25	Nguyễn Minh	Dũng	3671030672	20/08/1990	8,10	2,70	4,30	
26	Nguyễn Hữu	Thái	3671030675	28/07/1994	5,00	4,10	4,40	
27	Nguyễn Văn	Toàn	3671030677	06/02/1994	2,40	2,00	2,10	
28	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	4,70	1,20	2,30	
29	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	2,40	,50	1,10	
30	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994	,00	,00	,00	CT
31	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994	6,10	4,10	4,70	
32	Lê Quang	Hoàng	3671030717	25/10/1993	3,70	,00	1,10	
33	Nguyễn Xuân	Thành	3671030722	03/07/1994	4,80	2,70	3,30	
34	Huỳnh Văn	Tâm	3671030727	17/09/1994	,00	,00	,00	
35	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994	6,80	5,90	6,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	3,00	3,70	3,50	
37	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	6,10	2,70	3,70	
38	Nguyễn Thành	Lộc	3671030739	05/02/1994	4,60	3,20	3,60	
39	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994	6,10	3,00	3,90	
40	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993	4,80	1,80	2,70	
41	Huỳnh Thanh	Chúc	3671030761	10/01/1994	4,70	4,00	4,20	
42	Trần Văn	Hướng	3671030762	11/08/1993	6,60	5,30	5,70	
43	Huỳnh Tam	Giang	3671030766	27/08/1994	,00	,00	,00	CT
44	Trần Văn	Thao	3671030772	06/12/1993	7,50	6,20	6,60	
45	Nguyễn Chương	Thắng	3671030777	18/05/1993	,00	,00	,00	
46	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994	4,70	4,00	4,20	
47	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	4,50	3,80	4,00	
48	Nguyễn Công	Duy	3671030788	08/05/1993	,00	,00	,00	
49	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	5,40	3,80	4,30	
50	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994	4,80	4,60	4,70	
51	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	5,40	4,00	4,40	
52	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994	8,70	4,20	5,60	
53	Nguyễn Văn	Tiên	3671030802	08/05/1993	4,10	3,80	3,90	
54	Lương Ngọc	Chí	3671030804	15/01/1994	,00	,00	,00	CT
55	Bùi Thanh	Sang	3671030807	14/03/1994	6,30	4,70	5,20	
56	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994	5,60	4,40	4,80	
57	Lê Trọng	Nhân	3671030840	14/05/1994	5,30	5,00	5,10	
58	Nguyễn Trần	Đại	3671030852	01/11/1993	4,30	3,20	3,50	
59	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	5,30	4,20	4,50	
60	Nguyễn Hoàng	Phú	3671030862	29/01/1994	7,70	3,80	5,00	
61	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994	4,30	1,80	2,60	
62	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	7,00	4,20	5,00	
63	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	5,00	2,30	3,10	
64	Lê Hữu	Tâm	3671030875	24/02/1994	6,00	5,50	5,70	
65	Thập Văn	Tuyền	3671030876	20/03/1992	5,40	4,30	4,60	
66	Nguyễn Vĩnh	Phương	3671030879	20/01/1993	5,00	3,10	3,70	
67	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	4,60	5,60	5,30	
68	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	,00	2,40	1,70	
69	Nguyễn Quang Kỳ	Kiệt	3671030895	13/06/1994	9,60	4,00	5,70	
70	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994	8,60	2,40	4,30	
71	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994	2,70	2,70	2,70	
72	Trương Cao	Minh	3671031603	11/12/1994	,00	,00	,00	CT
73	Nguyễn Thanh	Phong	3671031870	07/01/1994	5,00	4,50	4,70	
74	Huỳnh Văn	Trí	3671031921	20/06/1993	6,60	4,50	5,10	
75	Lê Duy	Phương	3671031952	12/09/1994	,00	,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994	,00	5,00	3,50	
77	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994	3,60	3,50	3,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)